

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/HS-ST
Ngày 27-02-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Thực

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Anh Huê và bà Đậu Thị Phú

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Tạ Phong Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 08/2023/TLST-HS ngày 17 tháng 01 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2023/QĐXXST-HS ngày 14/02/2023, đối với bị cáo:

Trần Anh Đ, sinh ngày 08/4/1997; tại: xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đình P và bà Trần Thị L; vợ Đặng Thị Tuyết N và có 01 con; tiền án, tiền sự: không.

*** Về nhân thân:**

+ Ngày 15/7/2013, bị Công an huyện Quảng Trạch xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Cố ý gây thương tích”.

+ Ngày 30/9/2015, bị TAND huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình xử phạt 26 (hai mươi sáu) tháng tù về tội “Hủy hoại tài sản” tại Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2015/HSST.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 25/11/2022 đến ngày 28/11/2022 chuyển tạm giam và hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

+ Chị Phạm Thị Bích H, sinh năm 1982; nơi cư trú: thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

+ Anh Trần Thế H, sinh năm 1984; nơi cư trú: thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Chị Trần Thị Thu H, sinh năm 1991; nơi cư trú: TDP T, Phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

+ Anh Đoàn Ngọc L, sinh năm 1996; nơi cư trú: TDP T, Phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

+ Anh Trần Văn C, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn 2, xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 19 giờ ngày 21/11/2022, Trần Anh Đ đi bộ từ phường Q, thị xã B về nhà ở thôn P, xã Q, huyện Q. Khi đi qua cầu Pháp Kê khoảng 100 mét, Đ nhìn thấy một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead, màu đỏ đen, biển kiểm soát 73E1 - 035.99, chìa khóa xe đang cắm trên ổ khóa, dựng ở bên phải lề đường, phía trước cổng lối vào nhà ông Nguyễn Hồng S trú cùng thôn. Quan sát xung quanh không có người qua lại nên Đ đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Đ ngồi lên xe bật chìa khóa, khởi động xe, rồi điều khiển xe chạy vào thành phố Đồng Hới và gọi điện thoại cho Trần Văn C để hỏi bán chiếc xe trên. C hỏi Đ là “Xe của ai, có giấy tờ không?”, Đ trả lời “Xe của em, trên đường vào đây bị Công an thổi nồng độ cồn thu giấy tờ rồi”. Sau đó, C hẹn đến ngã ba Bắc Lý, thành phố Đồng Hới gặp nhau. Tại đây, sau khi xem tình trạng xe, hai bên thống nhất mua bán xe mô tô biển kiểm soát 73E1 - 035.99 với số tiền 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng), số tiền này Đ đã tiêu xài cá nhân hết.

Ngoài ra, Trần Anh Đ còn thực hiện vụ trộm cắp tài sản ngày 22/11/2022 như sau: Vào khoảng 04 giờ ngày 22/11/2022, Trần Anh Đ đi xem bóng đá World cup trên đường về thì phát hiện nhà chị Phạm Thị Bích H đang bật đèn sáng và cửa chính không khóa. Quan sát thấy chị H đang làm việc ở gian bếp, nên Đ trèo tường đột nhập vào nhà chị H bằng cửa chính, rồi đi vào phòng ngủ lấy trộm 01 (một) điện thoại Iphone 11, màu trắng để ở đầu giường ngủ. Trên đường về nhà Đ tắt nguồn và rút thẻ sim vứt đi. Đến buổi chiều cùng ngày, Đ gọi điện thoại cho Trần Văn L và nhờ L bán giúp chiếc điện thoại trên. L gọi điện cho anh Đoàn Ngọc L hỏi bán điện thoại, sau đó Đ và L đi đến cửa hàng điện thoại Lu Táo của anh L bán điện thoại. Đ đứng ngoài còn L vào bán điện thoại với số tiền 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) và đưa tiền cho Đ, số tiền bán được Đ đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 43/KL-HĐĐGTS ngày 28/11/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Quảng Trạch, kết luận: 01

(một) chiếc xe mô tô mang nhãn hiệu Honda, loại xe Lead, màu đỏ đen, mang biển kiểm soát 73E1-03599, số máy 0627016, số khung 095099, xe đã qua sử dụng, mua mới từ năm 2011, có giá trị tại thời điểm tháng 11/2022 là 8.000.000 đồng (tám triệu đồng); 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Iphone, kiểu máy Iphone 11, màu trắng, số máy MHDC3VN/A, số IMEI 355126468610625, số IMEI2 355126468744226, điện thoại đã qua sử dụng, mua mới từ tháng 8/2022 có giá trị tại thời điểm tháng 11/2022 là 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng).

Về vật chứng của vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình đã thu giữ: 01 (một) xe mô tô mang nhãn hiệu Honda, loại xe Lead, màu đỏ đen, mang biển kiểm soát 73E1-03599, số máy: 0627016, số khung 095099, xe đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Iphone, kiểu máy Iphone 11, màu trắng, số máy MHDC3VN/A, số IMEI 355126468610625, số IMEI2 355126468744226, điện thoại đã qua sử dụng. Xác định đúng chủ sở hữu hợp pháp nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Trạch đã xử lý trả lại theo quy định.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi nhận lại được tài sản các bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm về phần dân sự. Anh Đoàn Ngọc L không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại số tiền 1.500.000 đồng mà anh đã mua chiếc điện thoại do Đ đem bán. Anh Trần Văn C yêu cầu bị cáo phải bồi hoàn lại số tiền 2.500.000 đồng mà anh đã mua xe mô tô từ bị cáo Đ.

Tại bản Cáo trạng số 08/CT-VKSQT ngày 17 tháng 01 năm 2023, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình đã truy tố bị cáo Trần Anh Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo theo toàn bộ nội dung cáo trạng, có xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: về tội danh: tuyên bố bị cáo Trần Anh Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”; về hình phạt: xử phạt bị cáo Trần Anh Đ từ 12 tháng đến 15 tháng tù; về xử lý vật chứng: không xem xét; về trách nhiệm bồi thường dân sự: buộc bị cáo Trần Anh Đ phải có nghĩa vụ hoàn trả cho anh Trần Văn C số tiền 2.500.000 đồng; buộc bị cáo phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nhận thấy hành vi trộm cắp tài sản mà mình đã thực hiện là vi phạm pháp luật, đã sai phạm. Bị cáo nhất trí với tội danh, khung hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình đã truy tố, kết tội bị cáo. Bị cáo có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Trần Anh Đ đã thừa nhận và thống nhất khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội trộm cắp tài sản mà mình đã thực hiện. Nhằm mục đích tiêu xài, phục vụ nhu cầu cá nhân của mình, bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở, thiếu cảnh giác trong việc quản lý, bảo vệ tài sản của chủ sở hữu, đã lén lút trộm cắp tài sản là 01 (một) xe mô tô mang nhãn hiệu Honda, loại xe Lead, màu đỏ đen, mang biển kiểm soát 73E1-03599 và 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Iphone, kiểu máy Iphone 11, màu trắng. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt theo kết luận là 14.000.000 đồng. Đối chiếu lời khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo tại phiên tòa và trong quá trình điều tra là hoàn toàn phù hợp và thống nhất với nhau, phù hợp với lời khai của người tham gia tố tụng; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ kết luận, bị cáo Trần Anh Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội nói chung. Vì muốn có tiền phục vụ nhu cầu, mục đích bản thân bị cáo đã coi thường pháp luật, coi thường tài sản của người khác, cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần quyết định một hình phạt tương xứng đối với tính chất của hành vi phạm tội, mức độ, hậu quả mà bị cáo gây ra. Nhằm để răn đe, giáo dục bị cáo có ý thức tuân thủ pháp luật và quy tắc của cuộc sống, đồng thời phòng ngừa và đấu tranh phòng chống tội phạm trong xã hội, giữ gìn trật tự công cộng.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo: Bị cáo đã 02 lần phạm tội trộm cắp tài sản nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo là người có nhân thân xấu, đã bị xử lý hành chính, đã bị Tòa án xét xử.

[5] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Sau khi bị bắt giữ, làm việc đã tự giác khai báo lần phạm tội khác khi lần đó chưa bị phát hiện, trường hợp này được coi là người phạm tội tự thú. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, được áp dụng cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[6] Xét quan điểm đề xuất của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án, áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và áp dụng hình phạt đối với bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[7] Từ những nhận định, đánh giá trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết áp dụng hình phạt tù có thời hạn, buộc phải đi chấp hành hình phạt tại Trại giam, cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để có điều kiện giáo dục, cải tạo bị cáo tiến bộ.

[8] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định, “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”. Tuy nhiên, bị cáo không có công việc và không có thu nhập. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản mà bị cáo chiếm đoạt đã được thu giữ giao trả cho bị hại theo quy định. Đối với anh Đoàn Ngọc L và anh Trần Văn C là người mua tài sản do bị cáo Đ đem bán nhưng xác định trong quá trình mua bán anh L, anh C không biết tài sản đó là do phạm tội mà có nên không truy cứu trách nhiệm hình sự. Bị cáo Đ đã bán tài sản trộm cắp được là chiếc điện thoại cho anh L lấy số tiền 1.500.000 đồng, bán xe mô tô trộm cắp được cho anh C lấy số tiền 2.500.000 đồng, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã giao nộp lại tài sản cho cơ quan có thẩm quyền do vậy buộc bị cáo phải có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền đã nhận cho anh L, anh C. Từ giai đoạn điều tra và đến tại phiên tòa các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đoàn Ngọc L không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh Trần Văn C yêu cầu bị cáo Đ phải bồi hoàn lại khoản tiền 2.500.000 đồng mà anh đã bỏ ra mua xe mô tô do Đ đem bán nên buộc bị cáo phải có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền đã nhận cho anh C.

[10] Về xử lý vật chứng: Vật chứng của vụ án đã được xử lý trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp theo quy định của pháp luật. Đến tại phiên tòa không ai có ý kiến, yêu cầu gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Về án phí: Buộc bị cáo Trần Anh Đ phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Anh Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Anh Đ 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ ngày 25/11/2022

Tiếp tục tạm giam bị cáo Trần Anh Đ với thời hạn 45 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 27/02/2023) theo Quyết định của Hội đồng xét xử

3. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

4. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trần Anh Đ phải có nghĩa vụ hoàn trả cho anh Trần Văn C số tiền 2.500.000 đồng

“Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự”

5. Về xử lý vật chứng: Không xem xét

6. Về án phí: Buộc bị cáo Trần Anh Đ phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung vào ngân sách nhà nước.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Báo cho bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- Công an huyện Quảng Trạch;
- VKSND huyện Quảng Trạch;
- THADS huyện Quảng Trạch;
- Bị cáo; bị hại; NCQL, NVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Ngọc Thực